

Họ và tên:

Lớp:

Nhiệm vụ 1: Nối các cụm từ ở cột A với các nghĩa ở cột B cho phù hợp.

| A                       |  | B                                                                                             |
|-------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| khu dân cư              |  | khu vực làm việc của nhà máy, xí nghiệp, ...                                                  |
| khu sản xuất            |  | khu vực trong đó các loài cây, con vật và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ, giữ gìn lâu dài. |
| khu bảo tồn thiên nhiên |  | khu vực dành cho nhân dân ăn ở, sinh hoạt, ...                                                |

| A         |  | B                                                                                                       |
|-----------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| sinh vật  |  | Quan hệ giữa sinh vật (kể cả người) với môi trường xung quanh.                                          |
| sinh thái |  | Tên gọi chung của các vật sống, bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật, có sinh ra, lớn lên và chết. |
| hình thái |  | Hình thức biểu hiện ra bên ngoài của sự vật, có thể quan sát được.                                      |

Nhiệm vụ 2: Ghép tiếng “bảo” (có nghĩa “giữ, chịu trách nhiệm”) với mỗi tiếng sau để tạo thành từ phức:

đảm, hiểm, quản, toàn, tồn, trợ, vệ



Những từ em ghép được là:

Nhiệm vụ 3: Thay từ “bảo vệ” trong câu sau bằng một từ đồng nghĩa với nó.

Chúng em **bảo vệ** môi trường sạch đẹp.

Đồng nghĩa với “bảo vệ” là:

Chúng em

môi trường sạch đẹp.